

STT	Tên hàng, mã HS	ĐVT	Tồn kỳ trước	Xuất/ Nhập kỳ này	Tồn cuối kỳ	(1) Thuế nhập khẩu			(2) Thuế GTGT (hoặc TTDB)			(3) Thuế khác	
						Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
2													
Cộng số tiền thuế và thu khác (1)+(2)+(3): Bảng số: Bảng chữ:													

Ngày..... tháng..... năm.....
Xác nhận đã làm thủ tục hải quan
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa thì công chức Hải quan kiểm tra và ghi kết quả ở mặt sau phiếu này.

Ghi chép của cơ quan Hải quan

Căn cứ trên Lệnh hình thức và tình hình xuất khẩu/nhập khẩu từng lần, Lãnh đạo Chi cục quyết định mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa.

1. Hệ thống xác định: Lệnh hình thức số ... ngày .../... tháng.../ năm (kèm theo)
 - a) Kết quả kiểm tra hồ sơ:

.....
 - b) Đề xuất hình thức, mức độ kiểm tra:

Kiểm tra sơ bộ ; Kiểm tra chi tiết ; Kiểm tra thực tế: - Mức (1) Tỷ lệ(%)

- Mức (2) Toàn bộ

- Lý do đề xuất:

+ Theo tiêu chí quản lý rủi ro do Chi cục thiết lập

.....

+ Theo chỉ đạo tăng cường kiểm tra của Chính phủ, các Bộ Ngành và cơ quan cấp trên

.....

+ Theo các thông tin khác tại thời điểm làm thủ tục hải quan

.....
- c) Đề xuất xử lý kết quả kiểm tra: (Ký tên, đóng dấu công chức)

.....
3. Lãnh đạo Chi cục duyệt hoặc thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra:

Kiểm tra sơ bộ ; Kiểm tra chi tiết ; Kiểm tra thực tế: - Mức (1) Tỷ lệ(%)

- Ghi rõ lý do thay đổi và ý kiến chỉ đạo: (Ký tên, đóng dấu công chức)

.....

4. Kiểm tra thực tế hàng hóa và đề xuất xử lý:

.....

5. Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục:

Ngày..... tháng ... năm

Kiểm hóa viên

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng ... năm

Đại diện chủ hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Phiếu này do doanh nghiệp lập thành 02 bản để làm thủ tục XK,NK từng lần, lưu kèm sổ, tờ khai hải quan và tổng hợp vào sổ theo dõi, thanh khoản tờ khai hải quan.

Mẫu: 05-TBXNKTC/2010

CỤC HẢI QUAN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI CỤC HẢI QUAN.... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-XNKTC

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ**

Chi cục Hải quan..... xin thông báo:

Doanh nghiệp:

Địa chỉ.....

Đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại chỗ theo:

- Tờ khai số:..... ngày.... tháng năm.....

- Tại Chi cục Hải quan.....

Số TT	Tên hàng	Mã số HS	ĐVT	Lượng hàng	Trị giá

Chi cục Hải quan..... xin thông báo để Quý Cục biết, theo dõi.

Nơi nhận:

- Cục Thuế Tỉnh;

- Công ty:.....;

- Lưu:.....

Lãnh đạo Chi cục Hải quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Chi cục)

Mẫu 06/BKTrC/2010

BẢN KÊ HÀNG HÓA ĐÓNG TRONG CONTAINER TRUNG CHUYÊN

(Bản Hải quan lưu)

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ trung chuyên:
2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyên
 - Ngày nhập cảnh:/...../.....
 - Cảng dỡ hàng.....

Số TT	I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNG						III. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNG			IV. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP
	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hãng tàu	Quy cách và trọng lượng (kgs)	Chủng loại hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh	Ký tên, đóng dấu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
....										
....										
Ngày tháng năm (Ký tên, đóng dấu)										
Một số lưu ý về cont hàng hóa (như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,...):										

<p style="text-align: center;">II- XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP⁽⁸⁾</p> <p>Tổng số conts nhập:..... ; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác: 	<p style="text-align: center;">V- THANH KHOẢN CỦA HQ CK NHẬP⁽¹³⁾</p> <p>Tổng số conts xuất:.....; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20’: - Loại 40’: - Loại khác:
--	--

Ghi chú: - *Cột (6): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm,...*

- *Cột (8), (12), (13) công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức;*

Mẫu: 06/BKTrC/2010

BẢN KÊ HÀNG HÓA ĐÓNG TRONG CONTAINER TRUNG CHUYÊN

(Bản người khai hải quan lưu)

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ trung chuyên:
2. Phương tiện vận tải: - Tên, số hiệu, chuyên
 - Ngày nhập cảnh:/...../.....
 - Cảng dỡ hàng:.....

Số TT	I. PHẦN KÊ KHAI HÀNG NHẬP CẢNG						III. PHẦN KÊ KHAI HÀNG XUẤT CẢNG			IV. XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP
	Số vận đơn	Tổng số cont	Số hiệu, loại cont, số seal hàng tàu	Quy cách và trọng lượng (kgs)	Chủng loại hàng	Tên, địa chỉ chủ hàng	Tên PTVT	Ngày xuất cảnh	Ký tên, đóng dấu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....										
.....										
<p>Ngày tháng năm (Ký tên, đóng dấu)</p> <p>Một số lưu ý về cont hàng hóa (như: hàng đã được gia cố, đóng gói lại,...):</p>										

<p>II- XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN CK NHẬP ⁽⁸⁾</p> <p>Tổng số conts nhập:..... ; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20' : - Loại 40' : - Loại khác: 	<p>V- THANH KHOẢN CỦA HQ CK NHẬP ⁽¹³⁾</p> <p>Tổng số conts xuất:..... trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại 20' : - Loại 40' : - Loại khác:
---	--

Ghi chú: - Cột (6): Ghi loại hàng hóa chung nhất, ví dụ: hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, mỹ phẩm, dược phẩm,...

- Cột (8), (12), (13) công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức;

BẢNG TỔNG HỢP TỜ KHAI NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ TRONG KỲ BÁO CÁO

(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan) Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

Số TK	Ký hiệu	Tờ khai nhập khẩu		Tên NVL	Mã NVL	ĐVT	Số lượng hàng	Số lượng kê	Ghi chú
		Ngày ĐK	Nơi ĐK						
1	1/NSXXX	01/01/2009	Chi cục Hải quan Vĩnh phúc	Vải	V01	M	100	100	
				Vải	V02	M	100	100	
2	2/NSXXX	02/01/2009	Chi cục Hải quan Vĩnh phúc	Vải	V01	M	100	200	
				Vải	V02	M	100	200	
3									

Ngày.....tháng.....năm..... Ngày..... thángnăm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu Giám đốc doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu công chức) *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: - Tại biểu này thống kê nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu (kể cả xuất khẩu vào nội địa và sang Khu phi thuế quan khác) và sản xuất sản phẩm bán tại Khu phi thuế quan (nơi có nhà máy của doanh nghiệp) trong kỳ báo cáo thanh khoản. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công thực hiện thanh khoản theo quy định đối với hàng gia công.

- Tại mục “Kỳ báo cáo thanh khoản”: Ghi rõ từ ngày... tháng... năm... đến ngày...tháng...năm...

Mẫu: 08/HSTK-PTQ, Khố A4

**BẢNG TỔNG HỢP HÓA ĐƠN NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ MUA TẠI KHU PHI THUẾ QUAN
TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN**

(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Hóa đơn		Tên NVL	Mã NVL	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
	Số HĐ	Ngày						
1	1212	01/01/2009	Vải	V01	M	100	100	
			Vải	V02	M	100	100	
2	2323	01/02/2009	Vải	V01	M	100	200	
			Vải	V02	M	100	200	
3	3434							

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Tại biểu này thống kê nguyên liệu, vật tư mua tại Khu phi thuế quan (nơi có nhà máy của doanh nghiệp) để sản xuất sản phẩm xuất khẩu và sản xuất sản phẩm bán tại Khu phi thuế quan trong kỳ báo cáo thanh khoản.

BẢNG TỔNG HỢP TỜ KHAI XUẤT KHẨU SẢN PHẨM TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
 Địa chỉ doanh nghiệp.....
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

Số TK	Tờ khai xuất khẩu		Mã sản phẩm	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày ĐK					
1	1/NSXXK	01/01/2009	HN	Tan	100	100	
				Tan	50	50	
2	2/NSXXK	01/01/2009	HN	Tan	100	200	
				Tan	50	100	

Ngày..... tháng..... năm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
 Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại biểu này thống kê sản phẩm xuất khẩu do doanh nghiệp sản xuất (trừ sản phẩm gia công) trong kỳ báo cáo thanh khoản.

Việc thống kê sản phẩm gia công xuất khẩu thực hiện theo quy định đối với hàng gia công.

Mẫu: 10/HSTK-PTQ, Khổ A4

**BẢNG TỔNG HỢP HÓA ĐƠN SẢN PHẨM BÁN TẠI KHU PHI THUẾ QUAN
TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN**

(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan) Tờ số:

Tên doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ doanh nghiệp:

Kỳ báo cáo thanh khoản:

Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:

STT	Hóa đơn		Mã sản phẩm	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế	Ghi chú
	Số HD	Ngày					
1	1212	01/01/2009	V01	M	100	100	
			V02	M	100	100	
2	2323	01/02/2009	V01	M	100	200	
			V02	M	100	200	
3	3434						

Ngày.....tháng.....năm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... thángnăm.....
 Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại biểu này thống kê sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất bán tại Khu phi thuế quan (nơi có nhà máy của doanh nghiệp) trong kỳ báo cáo thanh khoản.

Mẫu: 11/HSTK-PTQ, Khổ A4

**BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM XUẤT KHẨU
VÀ BÁN TẠI KHU PHI THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN**
(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan)

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Tên nguyên liệu, vật tư	Mã nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Mã sản phẩm	Số lượng sản phẩm	Định mức (kể cả hao hụt)	Lượng NVL sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) x (7)
1	Vải	V1	m	SM1	100 áo	2 m/áo	200
				SM2	150	2m	300
				QD2	200 quần	2.5 m/quần	250
					Tổng nguyên liệu vải đã sử dụng:		750
2	Cúc	C1	cái	SM1	100 áo	10/áo	1000
				QD2	200 quần	2/quần	200
					Tổng nguyên liệu cúc đã sử dụng:		1200

Ngày..... tháng..... năm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....
 Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột 3 - Mã nguyên liệu, vật tư (NL, VT): doanh nghiệp chỉ khai khi thanh khoản tại những đơn vị Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để thanh khoản.

Mẫu: 12/HSTK-PTQ, Khổ A4

BẢNG BÁO CÁO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP-XUẤT-TỒN TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
 Địa chỉ doanh nghiệp.....
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:

Số TT	Tên nguyên, vật liệu (NVL)	Mã NVL	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Tổng NVL trong kỳ báo cáo (5) + (6)	NVL đã sử dụng để sản xuất sản phẩm XK và bán tại Khu PTQ	Tồn cuối kỳ (7) - (8)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ngày.....tháng.....năm.....

Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... thángnăm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Số liệu ghi tại cột (5) là số liệu “tồn cuối kỳ” của kỳ báo cáo thanh khoản lần liền kề trước đó. Doanh nghiệp báo cáo thanh khoản kỳ đầu tiên thì không có “tồn đầu kỳ”.

- Số liệu ghi tại cột 6 “Phát sinh trong kỳ” gồm NVL nhập khẩu và mua tại Khu phi thuế quan; số liệu lấy tại bảng 01/HSTK-PTQ và 02/HSTK-PTQ

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu		Lượng hàng NK trong kỳ báo cáo	
					Tờ khai số	Ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Áo sơ mi	SM1	123	cái	01/NKD...	01/01/09		100
					02/NKD...	03/01/09		100
	Tổng cộng lượng áo sơ mi đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo							200
2	Giày	G1	234	đôi	01/NKD	01/01/09		50
					02/NKD	03/01/09		50
	Tổng cộng lượng giày đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo							100

Ngày..... tháng..... năm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu
 (Ký tên, đóng dấu công chức)
 Ngày..... tháng..... năm.....
 Giám đốc doanh nghiệp
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Mã SP ghi tại cột (3) là mã sản phẩm do doanh nghiệp bán hàng quy định; dùng cho doanh nghiệp sử dụng máy vi tính theo dõi bán hàng.

- Mã hàng ghi tại cột (4) là mã hàng theo biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành.

Mẫu: 14/HSTK-PTQ, Khổ A4

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TỪ NỘI ĐỊA TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu		Lượng hàng NK trong kỳ báo cáo	
					Tờ khai số	Ngày		Nơi đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Áo sơ mi	SM1	123	cái	01/NKD...	01/01/09		100
					02/NKD...	03/01/09		100
	Tổng cộng lượng áo sơ mi đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo							200
2	Giày	G1	234	đôi	01/NKD	01/01/09		50
					02/NKD	03/01/09		50
	Tổng cộng lượng giày đã nhập khẩu trong kỳ báo cáo							100

Ngày.....tháng.....năm.....

Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... thángnăm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: 15/HSTK-PTQ, Khổ A4

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA MUA TẠI KHU PHI THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Đơn vị tính	Hóa đơn mua hàng		Số hóa đơn	Ngày	Lượng hàng mua tại khu phi thuế quan theo từng hóa đơn
					Số hóa đơn	Ngày			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		
1	Áo sơ mi	SM1	123	cái	01/NKD..	01/01/09	100	100	
					02/NKD..	03/01/09	100	100	
	Tổng cộng lượng áo sơ mi đã mua trong kỳ báo cáo								200
2	Giày	G1	234	đôi	01/NKD	01/01/09	50	50	
					02/NKD	03/01/09	50	50	
	Tổng cộng lượng giày đã mua trong kỳ báo cáo								100

Ngày.....tháng.....năm.....
 Giám đốc doanh nghiệp
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu
 (Ký tên, đóng dấu công chức)

Mẫu: 16/HSTK-PTQ, Khổ A4

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA BÁN TẠI KHU PHI THUẾ QUAN TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ doanh nghiệp
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

Số	Hóa đơn bán hàng		Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	ĐVT	Lượng hàng	Cộng lũy kế hàng hóa bán
	Ngày							
01	01/01/09		Giấy	G01	123	gam	100	100
			Bút	B01	234	cái	200	200
02	03/01/09		Giấy	G01	123	gam	50	150
			Bút	B01	234	cái	100	300

Ngày.....tháng.....năm.....

Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: 17/HSTK-PTQ, Khố A4

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....

Địa chỉ doanh nghiệp

Kỳ báo cáo thanh khoản:

Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Tên hàng	Mã sản phẩm	Mã HS	Mã ĐVT	Xuất khẩu vào nội địa và sang Khu phi thuế quan khác			Xuất khẩu ra nước ngoài				
					Tờ khai số	Ngày	Nơi ĐK	Lượng hàng	Tờ khai số	Ngày	Nơi ĐK	Lượng hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Áo sơ mi	V01	123	cái	01/XKD	01/01/09		100	02/XKD	02/01/09		50
					03/XKD	03/01/09		150	04/XKD	05/01/09		100
				Tổng cộng:				250		Tổng cộng:		150
2	Quần âu	Q01	234	cái	01/XKD	01/01/09		120	02/XKD	02/01/09		70
					03/XKD	03/01/09		50	04/XKD	05/01/09		120
				Tổng cộng:				170		Tổng cộng:		190

Ngày.....tháng.....năm.....

Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... thángnăm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: 18/HSTK-PTQ, Khố A4

BẢNG BÁO CÁO HÀNG HÓA NHẬP - XUẤT - TỒN TRONG KỲ BÁO CÁO THANH KHOẢN

(Dùng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuần túy trong Khu phi thuế quan)

Tờ số:.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
 Địa chỉ doanh nghiệp.....
 Kỳ báo cáo thanh khoản:
 Đơn vị Hải quan làm thủ tục thanh khoản:.....

STT	Tên hàng	Mã SP	Mã HS	Tồn đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Tổng hàng có trong kỳ (5)+(6)	Bán trong Khu phi thuế quan trong kỳ	Xuất khẩu trong kỳ	Tổng hàng tiêu thụ (8)+(9)	Tồn cuối kỳ (7)-(10)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Ngày.....tháng.....năm.....
 Công chức Hải quan kiểm tra, đối chiếu
(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng năm.....
 Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu ghi tại cột (6) gồm: hàng nhập khẩu từ nước ngoài trong kỳ (số liệu tại Bảng 07/HSTK-PTQ)+ hàng nhập từ nội địa và Khu phi thuế quan khác trong kỳ (số liệu tại Bảng 08/HSTK-PTQ) + hàng mua tại khu phi thuế quan trong kỳ (số liệu tại Bảng 9/HSTK-PTQ)

BẢNG KÊ TẠM NHẬP HOẶC TẠM XUẤT CONTAINER RỖNG

1. Người khai hải quan: (ghi tên, địa chỉ, mã số thuế);
2. Hợp đồng (nếu có) số:
3. Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai:
4. Thời hạn đăng ký: Ngày tạm nhập:/...../..... Ngày tái xuất/...../.....
5. Thời hạn đăng ký: Ngày tạm xuất:/...../..... Ngày tái nhập/...../.....

Số lượng container tạm nhập hoặc tạm xuất		Container tái xuất hoặc tái nhập						Số lượng container chưa tái xuất hoặc tái nhập			Người khai hải quan (kỳ, ghi rõ họ tên)	Công chức hải quan (kỳ, đóng dấu công chức)			
		20 feet		40 feet		Loại khác		20 feet	40 feet	Loại khác					
20 feet	40 feet	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng	Ngày	Số lượng	20 feet	40 feet	Loại khác	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)			

Ngày ... tháng ... năm ...

(16) HQ xác nhận thanh khoản

(Kỳ, đóng dấu công chức)

Ngày ... tháng ... năm ...

(15) Người khai hải quan

(Kỳ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng:

- Bảng kê này dùng chung, khi khai tạm nhập thì gạch bỏ chữ tạm xuất và ngược lại;

- Cột (1), (2), (3): Người khai hải quan ghi tổng số container từng loại khi tạm nhập hoặc tạm xuất, ký vào mục (15);

- Các cột (4), (5), (6), (7), (8) và (9): Người khai hải quan khai số lượng container tái xuất hoặc tái nhập từng lần; số lượng còn lại cột (10), (11), (12) và ký vào cột (13);

- Cột (14) công chức hải quan ký xác nhận từng lần theo nội dung khai của người khai hải quan từ cột (4) đến cột (12);

- Khi số lượng container tạm nhập - tái xuất hết hoặc tạm xuất - tái nhập hết thì công chức hải quan ký xác nhận tại mục (16).

Mẫu: 20-BC/KNQ/2010

TÊN CHỦ KHO NGOẠI QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO 6 THÁNG VỀ THỰC TRẠNG HÀNG HÓA TRONG KHO VÀ
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA KHO NGOẠI QUAN

(Số liệu báo cáo tính từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)

I. Tình hình hoạt động của kho ngoại quan:**II. Số liệu báo cáo:**

1. Số liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan:

Loại hình	Lượng hàng	ĐVT	Trị giá (USD)	Mặt hàng chủ yếu
Từ nước ngoài đưa vào kho				
Từ nội địa đưa vào kho				
Từ kho đưa ra nước ngoài				
Từ kho đưa vào nội địa				
Từ kho này chuyển sang kho khác				
Hàng còn tồn kho				

2. Tình hình thanh lý hợp đồng thuê kho:

Chủ hàng hóa gửi kho	Số lượng hợp đồng ký mới	Lũy kế	Đã thanh lý	Chưa thanh lý	
				Trong hạn	Quá hạn
Nước ngoài					
Trong nước					

3. Tình hình vi phạm pháp luật hải quan:

+ Tên Đơn vị vi phạm:

+ Hành vi vi phạm:

+ Hình thức xử phạt:

III. Vướng mắc, kiến nghị:**Nơi nhận:**

- Cục Hải quan ...

- Chi cục Hải quan (quản lý kho)...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu: 21/BBBG-CCK/2010

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN:.....
 Chi cục Hải quan:.....
 Số:...../HQ-BBBG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Hồi.....giờ.....phút, ngày..... tháng..... năm 20....., Chi cục Hải quan.....
 số điện thoại..... số fax..... bàn giao cho
 ông (bà).....

Đại diện của Công ty.....; Lô hàng thuộc tờ khai số:.....
 để chuyển đến Chi cục Hải quan..... gồm:

1. Hồ sơ chuyển cửa khẩu:

- a) Tờ khai hải quan:..... bản chính;
 b) Đơn đề nghị chuyển cửa khẩu:..... bản chính (đối với hàng NK);

2. Hàng hóa:

STT	SỐ HIỆU CONTAINER HOẶC BIÊN KIỂM SOÁT XE CHUYÊN DỤNG	SỐ SEAL HÃNG VẬN TẢI	SỐ SEAL HẢI QUAN	SỐ LƯỢNG KIỆN ĐÃ NIÊM PHONG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Tình trạng xe container/xe chuyên dụng/hàng hóa.....

Biên bản về tình trạng container/xe chuyên dụng/hàng hóa (nếu có), số.....

Thời gian vận chuyển.....; Tuyến đường vận chuyển:.....; Km.....

Ngày, giờ xuất phát:.....

Ngày, giờ đến:.....

Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan:.....

NGƯỜI KHAI HQ/NGƯỜI
VẬN CHUYỂN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC HQ NGOÀI CK
 (Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

CHI CỤC HQ CỬA KHẨU
 (Ký, đóng dấu số hiệu công chức)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Cách ghi các tiêu chí trên Biên bản bàn giao:

a) Tiêu chí “Lô hàng thuộc tờ khai...”: Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm của tờ khai.

b) Tiêu chí về hồ sơ hải quan (điểm 1):

Căn cứ các chứng từ chuyển cửa khẩu mà Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu phải chuyển cho Chi cục Hải quan cửa khẩu và ngược lại đối với từng trường hợp để ghi cho phù hợp.

c) Tiêu chí về hàng hóa (điểm 2):

- Chi cục Hải quan nơi lập Biên bản bàn giao ghi đầy đủ các tiêu chí nêu tại các cột, mục của điểm 2 (đối với hàng xuất khẩu trường hợp nào chưa có seal hãng vận tải thì cột (3) không ghi).

- Riêng đối với hàng xuất khẩu miễn kiểm tra thì chỉ thực hiện bàn giao hồ sơ chuyển cửa khẩu của lô hàng.

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện niêm phong từng kiện hàng thì tại cột (5) ghi cụ thể số lượng kiện đã được niêm phong.

- Về tuyến đường, thời gian vận chuyển: Chi cục Hải quan lập Biên bản căn cứ vào Đơn của người khai hải quan/người vận chuyển để ghi nội dung này.

- Về ngày, giờ xuất phát: Chi cục Hải quan nơi lập Biên bản bàn giao ghi nội dung này.

- Về ngày, giờ đến: Chi cục Hải quan nơi nhận Biên bản bàn giao ghi nội dung này.

- Tại mục “Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan”: Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập cần lưu ý cho Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu biết về mã số, thuế suất, giá tính thuế đối với lô hàng nhập khẩu đơn vị đã từng làm hoặc đã biết (nếu cần phải lưu ý).

d) Mục Chi cục Hải quan cửa khẩu, Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu (ký, đóng dấu số hiệu công chức): Người ký là công chức được lãnh đạo Chi cục phân công.

2. Cách thực hiện:

Khi lập Biên bản bàn giao hàng hóa chuyển cửa khẩu, Chi cục Hải quan nơi lập phải ghi đầy đủ, cụ thể các tiêu chí tại Biên bản bàn giao; ghi rõ giờ/ngày/tháng/năm lập Biên bản bàn giao; số điện thoại, số fax để thuận tiện cho việc trao đổi thông tin giữa các đơn vị Hải quan.

Chi cục Hải quan nơi nhận khi làm thủ tục chuyển cửa khẩu cho các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu nếu phát hiện trên Biên bản bàn giao không ghi đầy đủ các thông tin theo hướng dẫn thì yêu cầu Chi cục Hải quan nơi lập cung cấp bổ sung.

Trường hợp trên Biên bản bàn giao cung cấp thiếu thông tin, công chức hải quan phát hiện lô hàng có dấu hiệu nghi vấn ảnh hưởng đến việc quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thì báo cáo lãnh đạo Chi cục để có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời thông báo cho Chi cục Hải quan liên quan biết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN CỬA KHẨU HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi: Chi cục Hải quan.....

Công ty..... đề nghị được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan....., kiểm tra hải quan (nếu có) tại..... cho lô hàng..... thuộc Tờ khai/vận tải đơn..... chuyên chở trên PTVT....., tới cửa khẩu nhập ngày...../...../200.....

Tên hàng:.....

Lượng hàng:..... Trị giá:.....

Gồm:..... container hoặc xe chuyên dùng có số hiệu:....., hoặc.....kiện.

Tuyến đường vận chuyển..... với chiều dài.....

Thời gian vận chuyển:.....

Công ty..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về:

1. Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong hãnng tàu cho tới khi bàn giao cho Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu....., địa điểm kiểm tra hàng hóa ở nội địa..... giám sát, quản lý theo quy định.

2. Vận chuyển lô hàng đúng tuyến đường và thời gian, đưa hàng về đúng địa điểm kiểm tra đã đăng ký nêu trên.

....., ngày... tháng... năm 20.....

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Kính gửi: **Chi cục Hải quan**.....

Đề nghị Chi cục Hải quan ...() cho lô hàng nêu trên của Công ty.....
.....thuộc tờ khai hải quan số.....ngày..... tháng..... năm 20.....*

Chi cục Hải quan.....

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ghi chú: ()*

(1) Đối với lô hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu phải kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan cửa khẩu và phải lấy mẫu, hoặc được miễn kiểm tra thực tế nhưng việc lấy mẫu do Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện thì ghi: “*Đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu... kiểm tra thực tế hàng hóa và/hoặc lấy mẫu nguyên liệu theo Phiếu lấy mẫu gửi kèm...*”.

(2) Đối với lô hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa nhưng việc lấy mẫu do Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu thực hiện thì ghi: “*Đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu...làm thủ tục chuyển cửa khẩu và niêm phong theo quy định...*”.

(3) Đối với lô hàng nhập khẩu chuyển cửa khẩu phải kiểm tra thực tế hàng hóa tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu thì ghi: “*Đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu... làm thủ tục chuyển cửa khẩu và niêm phong theo quy định...*”.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:/...

....., ngày... tháng... năm....

Kính gửi:

- Tổng cục Hải quan;
- Cục Hải quan tỉnh, TP....

ĐƠN XIN THÀNH LẬP KHO NGOẠI QUAN**1. Doanh nghiệp xin thành lập kho ngoại quan:**

- Tên doanh nghiệp:..... Mã số thuế:.....
- Trụ sở chính tại:
- Số điện thoại: Số fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... tháng..... năm.....;
- Cơ quan cấp:
- Ngành nghề kinh doanh:..... (chỉ kê ngành nghề kinh doanh liên quan đến điều kiện thành lập kho ngoại quan) .

2. Xin thành lập kho ngoại quan tại:**3. Khu vực kho ngoại quan có diện tích: m².**

Khu vực kho ngoại quan gồm:

Số lượng kho: Tổng diện tích kho:m².

- Diện tích bãi: m².
- Văn phòng làm việc của Hải quan kho:m².

4. Hồ sơ kèm theo đơn:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 01 bản sao (công chứng);
- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho, bãi: 01 bản sao (công chứng);
- Sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi: 01 bản chính ;

Cam đoan các nội dung trên là đúng. Cam kết chấp hành và thực hiện đúng các quy định pháp luật về hoạt động kho ngoại quan.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



Mẫu số 24: PTVTĐB/TN-TX/2010

**TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
TẠM NHẬP - TÁI XUẤT**

(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT AND
RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/
Copy 1: For the operator of means of transportation)

Số tờ khai (Declaration No.):/TN/HQCK.....,

Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<p>A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail:</p> <p>- Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>- Hộ chiếu số/Passport No:</p> <p>- Giấy thông hành số/Border Pass No:.....;</p> <p>+ Ngày cấp/Issue Date:.....;</p> <p>+ Nơi cấp/Issue Place:.....;</p> <p>- Địa chỉ/Address:</p> <p>B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation:</p> <p>- Loại /Type:</p> <p>- Nhãn hiệu/Label or mark:.....;</p> <p>- Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....;</p> <p>- Nước đăng ký/Registering Country:</p> <p>- Màu/color:; - Số chỗ ngồi/seats:.....;</p> <p>- Số khung/Chassis Serial No.:.....;</p> <p>- Số máy/Engine Serial No.:.....;</p> <p>C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation:</p> <p>Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization)</p> <p>+ Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>+ Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>+ Địa chỉ/Address:.....;</p>	<p>I. TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT)</p> <p>1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p><input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra; Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p>.....</p> <p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ ngày...../...../20.....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp)</p> <p>.....</p>
	<p>II. TÁI XUẤT (RE-EXPORT)</p> <p>1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Cửa khẩu tái xuất:</p> <p>- Ngày:..... /...../20.....</p> <p><input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra; <input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải; <input type="checkbox"/> Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p>.....</p>

<p>D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation:</p> <p>- Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....;</p> <p>- Ngày cấp/Issue date:.....;</p> <p>- Cơ quan cấp/Issue by:.....;</p> <p>- Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....;</p> <p>- Phạm vi hoạt động/Travelling Area:</p> <p>- Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:</p> <p>E. Mục đích vào Việt Nam (Purpose of Entering Viet Nam):</p> <p><input type="checkbox"/> Du lịch <input type="checkbox"/> Vận chuyển hàng <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Tourist <input type="checkbox"/> Commodity transport <input type="checkbox"/> Official <input type="checkbox"/> Other</p> <p style="text-align: center;">Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Người điều khiển/Driver Ký/Signature</p> <p style="text-align: center;">.....</p> <p>Ghi chú/Note: khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/supplemental Declaration (if any) in verso.</p>	<p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authorentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có);</p> <p>Kết quả:</p> <p>.....;</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ ngày/...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p>
--	--

Mẫu số 24: PTVTĐB/TN-TX/2010

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

<p>PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)</p>	<p>PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)</p>
<p>1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)):</p> <p>a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation):</p> <p>- Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>- Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....;</p> <p>- Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:..... (Passport or Border-pass No.)</p> <p>+ Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20.....</p> <p>b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extenssion of operation of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản gia hạn số: (No of permitted document allowing such extenssion)</p> <p>+ Được phép lưu hành đến hết ngày:/...../20..... (Duration of operation extended to)</p> <p>+ Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension):</p> <p>+ Ngày cấp (date-d/m/y):/...../20.....</p> <p>- Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension)</p> <p>+ Sửa chữa (repair) <input type="checkbox"/> + Tai nạn giao thông (accidents) <input type="checkbox"/></p> <p>+ Lý do khác (other):.....</p> <p style="text-align: center;">Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Người khai báo (Customs declarant)</p> <p>Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name)</p>	<p>2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Về hồ sơ (Of dossiers).....</p> <p>+ Ngày (Date):...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p>



Mẫu số 25: PTVTĐB/TX-TN/2010

TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
TẠM XUẤT - TÁI NHẬP
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND
RE-IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)
(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/
Copy 1: For the operator of means of transportation)

Số tờ khai (Declaration No.):/TX/HQCK.....,
Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<p>A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail:</p> <p>- Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>- Hộ chiếu số/Passport No:.....;</p> <p>- Giấy thông hành số/Border Pass No:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Ngày cấp/Issue Date:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Nơi cấp/Issue Place:.....;</p> <p>- Địa chỉ/Address:</p> <p>B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation:</p> <p>- Loại /Type:</p> <p>- Nhãn hiệu/Label or mark:.....;</p> <p>- Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....;</p> <p>- Nước đăng ký/Registering Country:</p> <p>- Màu/color:; - Số chỗ ngồi/seats:.....;</p> <p>- Số khung/Chassis Serial No.:.....;</p> <p>- Số máy/Engine Serial No.:.....;</p> <p>C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization)</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Họ và tên/Full name:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Địa chỉ/Address:.....;</p> <p>D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation:</p> <p>- Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....;</p> <p>- Ngày cấp/Issue date:.....;</p> <p>- Cơ quan cấp/Issue by:.....;</p> <p>- Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Việt Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....;</p> <p>- Phạm vi hoạt động/Travelling Area:</p> <p>- Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:</p>	<p>I. TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT)</p> <p>1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p><input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra;</p> <p><input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải;</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p> <p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có);</p> <p>Kết quả:</p> <p>.....;</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ ngày...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p> <hr/> <p>II. TÁI NHẬP (RE-IMPORT)</p> <p>1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Cửa khẩu tái nhập:</p> <p>- Ngày:..... /...../20.....</p> <p><input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra;</p> <p><input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải;</p> <p><input type="checkbox"/> Khai bổ sung (nếu có);</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p>

<p>E. Mục đích ra khỏi Việt Nam (Purpose of going out Viet Nam):</p> <p> <input type="checkbox"/> Du lịch <input type="checkbox"/> Vận chuyển hàng <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Tourist <input type="checkbox"/> Commodity transport <input type="checkbox"/> Official <input type="checkbox"/> Other </p> <p>Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p>Người điều khiển/Driver</p> <p>Ký/Signature</p> <p>.....</p> <p>Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.</p>	<p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có);</p> <p>Kết quả:</p> <p>.....;</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu ô tô:</p> <p>..... giờ ngày/...../20.....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p>.....</p>
---	---

Mẫu số 25: PTVTĐB/TX-TN/2010

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<p>1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)):</p> <p>a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>- Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....;</p> <p>- Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20.....</p> <p>b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản gia hạn số:, (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:/...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:....., (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20.....</p> <p>- Lý do gia hạn:(Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) <input type="checkbox"/> + Tai nạn giao thông (accidents) <input type="checkbox"/> + Lý do khác (other):.....</p> <p style="text-align: right;">Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name)</p>	<p>2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Về hồ sơ (Of dossiers).....</p> <p>+ Ngày (Date):..... /...../20.....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p>



Mẫu số 26: PTVTĐS/TN-TX/2010

**TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG SÔNG
TẠM NHẬP - TÁI XUẤT**
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT
AND RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

**(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/
Copy 1: For the Skipper/Master of ship)**

Số tờ khai (Declaration No.):/TN/HQCK.....,

Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

<p>PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)</p>	<p>PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)</p>
<p>A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:</p> <p>B. Nhân dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại /Type:; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:; - Tải trọng/Loading Capacity:</p> <p>C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....</p>	<p>I. TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) <input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra; <input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) </p> <p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) <input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hồ: giờ ngày/...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) </p>
<p>D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:</p>	<p>II. TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:; - Ngày:..... /...../20..... <input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra; <input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải; <input type="checkbox"/> Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) </p>

<p>E. Mục đích vào Việt Nam (Purpose of Entering Viet Nam):</p> <p><input type="checkbox"/> Vận chuyển hàng <input type="checkbox"/> Chở hành khách <input type="checkbox"/> Khác Commodity transport Passengers transport Other</p> <p>Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p>Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature</p> <p>.....</p> <p>Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.</p>	<p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:;</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ ngày/...../20.....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p>.....</p>
--	--

Mẫu số 26: PTVTĐS/TN-TX/2010

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<p>1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)):</p> <p>a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Họ và tên/Full name:;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:;</p> <p>- Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:;</p> <p>- Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành: (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):/...../20.....</p> <p>b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extenssion of operation of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản gia hạn số: (No of permitted document allowing such extenssion) + Được phép lưu hành đến hết ngày:/...../20..... (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn: (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):/...../20.....</p> <p>- Lý do gia hạn:(Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) <input type="checkbox"/> + Tai nạn giao thông (accidents) <input type="checkbox"/> + Lý do khác (other):.....</p> <p style="text-align: right;">Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Người khai báo (Customs declarant)</p> <p>Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name)</p>	<p>2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Về hồ sơ (Of dossiers).....</p> <p>+ Ngày (Date):..... /...../20....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p>



Mẫu số 27: PTVTĐS/TX-TN/2010

**TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG SÔNG
TẠM XUẤT - TÁI NHẬP**
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT
AND RE-IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

**(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/
Copy 1: For the Skipper/Master of ship)**

Số tờ khai (Declaration No.):/TX/HQCK.....,

Ngày (date-d/m/y):/...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<p>A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail:</p> <p>- Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>- Hộ chiếu số/Passport No:.....;</p> <p>- Giấy thông hành số/Border Pass No:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Ngày cấp/Issue Date:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Nơi cấp/Issue Place:.....;</p> <p>- Địa chỉ/Address:</p> <p>B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation:</p> <p>- Loại /Type:</p> <p>- Nhãn hiệu/Label or mark:.....;</p> <p>- Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....;</p> <p>- Nước đăng ký/Registering Country:</p> <p>- Tải trọng/Loading Capacity:</p> <p>C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization)</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Họ và tên/Full name:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p style="padding-left: 20px;">+ Địa chỉ/Address:.....;</p> <p>D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation:</p> <p>- Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....;</p> <p>- Ngày cấp/Issue date:.....;</p> <p>- Cơ quan cấp/Issue by:.....;</p> <p>- Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Việt Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....;</p> <p>- Phạm vi hoạt động/Travelling Area:</p> <p>- Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:</p>	<p>I. TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT)</p> <p>1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p><input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra;</p> <p><input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải;</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p> <p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có);</p> <p>Kết quả:</p> <p>.....</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ ngày...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p> <p>II. TÁI NHẬP (RE-IMPORT)</p> <p>1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Cửa khẩu tái nhập:</p> <p>- Ngày:..... /...../20.....</p> <p><input type="checkbox"/> Miễn kiểm tra;</p> <p><input type="checkbox"/> Kiểm tra phương tiện vận tải;</p> <p><input type="checkbox"/> Khai bổ sung (nếu có);</p> <p style="text-align: center;">Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p style="text-align: center;">.....</p>

<p>E. Mục đích ra khỏi Việt Nam (Purpose of going out Viet Nam):</p> <p><input type="checkbox"/> Vận chuyển hàng <input type="checkbox"/> Chở hành khách <input type="checkbox"/> Khác Commodity transport Passengers transport Other</p> <p>Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p>Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature</p> <p>.....</p> <p>Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.</p>	<p>2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)</p> <p><input type="checkbox"/> Biên bản vi phạm (nếu có);</p> <p>Kết quả:</p> <p>.....;</p> <p>Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ ngày/...../20.....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p>.....</p>
---	--

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<p><u>1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có)</u> (Changes made to the means of transportation (if any)):</p> <p>a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Họ và tên/Full name:.....;</p> <p>- Quốc tịch/Nationality:.....;</p> <p>- Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....;</p> <p>.....;</p> <p>- Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.)</p> <p>+ Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20.....</p> <p>b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): <input type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản gia hạn số: , (No of permitted document allowing such extension)</p> <p>+ Được phép lưu hành đến hết ngày:/...../20....., (Duration of operation extended to)</p> <p>+ Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension):</p> <p>+ Ngày cấp (date-d/m/y):/...../20.....</p> <p>- Lý do gia hạn:(Reason(s) for such extension)</p> <p>+ Sửa chữa (repair) <input type="checkbox"/> + Tai nạn giao thông (accidents) <input type="checkbox"/></p> <p>+ Lý do khác (other):.....</p> <p style="text-align: right;">Ngày (date-d/m/y)...../...../20.....</p> <p style="text-align: center;">Người khai báo (Customs declarant)</p> <p>Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name)</p> <p>..... </p>	<p><u>2. Xác nhận của công chức tiếp nhận:</u> (Authentication of customs documents receiver)</p> <p>- Về hồ sơ (Of dossiers)..... </p> <p>+ Ngày (Date):..... /...../20....</p> <p>Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)</p> <p>.....</p>

Mẫu: 28-BLK/ĐS/2010

BẢN TRÍCH LƯỢC KHAI HÀNG HÓA DỜ XUỐNG TỪNG GA LIÊN VẬN NỘI ĐỊA

STT	Nhãn hiệu tàu nhập cảnh	Ngày tàu đến Việt Nam	Số Vận tải đơn	Số hiệu toa xe	Số niêm phong		Ngày khởi hành	Ga gửi hàng	Ga nhận hàng	Tên hàng	Số lượng hàng	Đơn vị tính
					Hải quan	Hàng vận tải						
-1-	-2-	-3-	-4-	-5-	-6-	-8-	-9-	-10-	-11-	-12-	-13-	

Ngày tháng năm 20.....
(3) Hải quan ga liên vận nội địa
 (Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày tháng năm 20.....
(2) Hải quan ga liên vận biên giới
 (Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày tháng năm 20.....
(1) Người lập bản trích
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV**TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ HQ/2010-TC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính)**HẢI QUAN VIỆT NAM TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ (Bản lưu Hải quan) HQ/2010-TC**

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU											
1. Người xuất khẩu tại chỗ:					5. Loại hình XK: <input type="checkbox"/> SXXX <input type="checkbox"/> GC <input type="checkbox"/>		6. Giấy phép XK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		7. Hợp đồng XK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		
2. Người nhập khẩu tại chỗ:					8. Loại hình NK: <input type="checkbox"/> SXXX <input type="checkbox"/> GC <input type="checkbox"/>		9. Giấy phép NK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		10. Hợp đồng NK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		
3. Người chỉ định giao hàng:					11. Địa điểm giao hàng:		12. Hóa đơn VAT Số: Ngày:		13. Hóa đơn thương mại NK: Số: Ngày:		
4. Người làm thủ tục hải quan:					14. Phương thức thanh toán: - Hàng XK: - Hàng NK:		15. Đồng tiền thanh toán: - Hàng XK: Tỷ giá: - Hàng NK: Tỷ giá:				
Số TT	16. Tên hàng Quy cách phẩm chất			17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI NK				
	20. Đơn giá nguyên tệ		21. Trị giá nguyên tệ								
1											
2											
3											
4											
Số TT	22. Thuế nhập khẩu				23. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)			24. Thu khác			
	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền			
1											
2											
3											
4											
Cộng:											
25. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22+23+24): Bằng số: Bằng chữ:											
26. Chứng từ xuất khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao - Hợp đồng thương mại: - Giấy phép: - Hóa đơn VAT:						27. Chứng từ nhập khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao - Hợp đồng thương mại: - Giấy phép: - Hóa đơn thương mại:					
28. Người xuất khẩu tại chỗ: Cam kết đã giao đúng, đủ các sản phẩm kê khai trên tờ khai này và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này. Ngày tháng năm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)						29. Người nhập khẩu tại chỗ: Cam kết đã nhận đúng, đủ các sản phẩm và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai tính thuế trên tờ khai này. Ngày tháng năm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)					

B. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC NHẬP KHẨU						
Tổng cục Hải quan		Tờ khai số:/NK/..... -TC./.....			Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)	
Cục Hải quan:		Ngày đăng ký:				
Chi cục Hải quan:		Số lượng phụ lục tờ khai:				
I. Phần Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa						
30. Phần ghi kết quả kiểm tra của Hải quan						
Người quyết định hình thức kiểm tra: (ký, đóng dấu số hiệu công chức)						
Hình thức kiểm tra: Miễn kiểm tra Kiểm tra xác suất. Tỷ lệ:% Kiểm tra toàn bộ						
Địa điểm kiểm tra: Thời gian kiểm tra: Từ..... giờ.... , ngày Đến:giờ, ngày						
Kết quả kiểm tra:						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
31. Đại diện doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ (ký, ghi rõ họ tên)				32. Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
II- Phần Hải quan kiểm tra tính thuế						
Số TT	33. Mã số hàng hóa	34. Lượng	35. Đơn giá tính thuế	36. Tiền thuế nhập khẩu		
				Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế
1						
2						
Số TT	37. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)			38. Thu khác		39. Tổng số tiền phải điều chỉnh sau khi kiểm tra (Tăng/Giảm): Bảng số: Bảng chữ:
	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền	
1						
2						
40. Tổng số thuế và thu khác phải nộp (ô 25+36): Bảng chữ:						
Thông báo thuế/Biên lai thu thuế số: Ngày:						
41. Lệ phí hải quan: Bảng chữ:						
Biên lai thu lệ phí số: Ngày:						
42. Công chức kiểm tra thuế (Ký, ghi rõ, ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)		43. Ghi chép khác của hải quan		44. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
C. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC XUẤT KHẨU						
Tổng cục Hải quan		Tờ khai số:/XK/..... -TC./.....			Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)	
Cục Hải quan:		Ngày đăng ký:				
Chi cục Hải quan:		Số lượng phụ lục tờ khai:				
45. Lệ phí hải quan: Bảng chữ:						
Biên lai thu lệ phí số: Ngày:						
46. Ghi chép khác của hải quan				47. Xác nhận đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		

B. PHẦN HẢI QUAN KIỂM TRA TÍNH THUẾ								
Số TT	33. Mã số hàng hóa			34. Lượng			35. Đơn giá tính thuế	
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	36. Tiền thuế nhập khẩu			37. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)			38. Thu khác	
Số TT	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
42. Cán bộ kiểm tra thuế (ký, ghi rõ ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)								

PHỤ LỤC TỜ KHAI XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ
(*Bản lưu Hải quan*)

Phụ lục số:

Kèm tờ khai số...../NK/.....=.....TC/..... Ngày..... PLTKHQ/2010-TC

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU								
Số TT	16. Tên hàng. Quy cách phẩm chất		17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ	
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	22. Thuế nhập khẩu			23. Thuế GTGT (hoặc thuế TTĐB)			24. Thu khác	
Số TT	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VND)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VND)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
Cộng								
28. Người xuất khẩu tại chỗ cam kết đã giao đúng, đủ sản phẩm kê khai trên phụ lục tờ khai này.					29. Người nhập khẩu tại chỗ cam kết đã nhận đúng, đủ sản phẩm và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai, tính thuế trên phụ lục tờ khai này.			
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)					(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			

B. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC NHẬP KHẨU						
Tổng cục Hải quan		Tờ khai số:/NK/..... -TC./.....			Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)	
Cục Hải quan:		Ngày đăng ký:				
Chi cục Hải quan:		Số lượng phụ lục tờ khai:				
I. Phần Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa						
30. Phần ghi kết quả kiểm tra của Hải quan						
Người quyết định hình thức kiểm tra: (ghi rõ họ tên, đóng dấu số hiệu công chức)						
Hình thức kiểm tra:		Miễn kiểm tra	Kiểm tra xác suất. Tỷ lệ:%	Kiểm tra toàn bộ		
Địa điểm kiểm tra:		Thời gian kiểm tra: Từ..... giờ..... , ngày		Đến: giờ ..., ngày		
Kết quả kiểm tra:.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						
31. Đại diện doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ (ký, ghi rõ họ tên)				32. Công chức kiểm tra thực tế hàng hóa (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
II. Phần Hải quan kiểm tra thuế						
Số TT	33. Mã số hàng hóa	34. Lượng	35. Đơn giá tính thuế	36. Tiền thuế nhập khẩu		
				Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế
1						
2						
3						
Số TT	37. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)			38. Thuế khác		39. Tổng số tiền phải điều chỉnh sau khi kiểm tra (Tăng/Giảm):
	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền	
1						Bảng số:..... Bảng chữ:.....
2						
3						
40. Tổng số thuế và thu khác phải nộp (ô 25+36): Bảng chữ:.....						
Thông báo thuế/Biên lai thu thuế số: Ngày:.....						
41. Lệ phí hải quan: Bảng chữ:						
Biên lai thu lệ phí số: Ngày:.....						
42. Công chức kiểm tra thuế (ký, ghi rõ, ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)		43. Ghi chép khác của hải quan		44. Xác nhận Đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		
C. PHẦN DÀNH CHO HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC XUẤT KHẨU						
Tổng cục Hải quan		Tờ khai số:/XK/..... -TC./.....			Công chức đăng ký (ký, đóng dấu số hiệu công chức)	
Cục Hải quan:		Ngày đăng ký:				
Chi cục Hải quan:		Số lượng phụ lục tờ khai:				
45. Lệ phí hải quan: Bảng chữ:						
Biên lai thu lệ phí số: Ngày:.....						
46. Ghi chép khác của hải quan				47. Xác nhận Đã làm thủ tục hải quan (ký, đóng dấu số hiệu công chức)		

HẢI QUAN VIỆT NAM TỜ KHAI HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ
(Bản lưu người khai hải quan)

HQ/2010-TC

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU											
1. Người xuất khẩu tại chỗ:						5. Loại hình XK: SXXX GC		6. Giấy phép XK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		7. Hợp đồng XK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	
2. Người nhập khẩu tại chỗ:						8. Loại hình NK: SXXX GC		9. Giấy phép NK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:		10. Hợp đồng NK: Số: Ngày: Ngày hết hạn:	
3. Người chỉ định giao hàng:						11. Địa điểm giao hàng:		12. Hóa đơn VAT Số: Ngày:		13. Hóa đơn thương mại NK: Số: Ngày:	
4. Người làm thủ tục hải quan:						14. Phương thức thanh toán: - Hàng XK: - Hàng NK:		15. Đồng tiền thanh toán: - Hàng XK: Tỷ giá:..... - Hàng NK: Tỷ giá:.....			
Số TT	16. Tên hàng Quy cách phẩm chất		17. Mã số hàng hoá		18. Đơn vị tính		19. Lượng		TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI NK		
									20. Đơn giá nguyên tệ		21. Tỷ lệ (%)
1											
2											
3											
4											
Số TT	22. Thuế nhập khẩu				23. Thuế GTGT (hoặc TTĐB)				24. Thu khác		
	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế		Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VNĐ)	Tiền thuế		Tỷ lệ (%)	Số tiền	
1											
2											
3											
4											
Cộng:											
25. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22 + 23 + 24): Bằng số:											
Bằng chữ:											
26. Chứng từ xuất khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao						27. Chứng từ nhập khẩu kèm theo: Bản chính Bản sao					
- Hợp đồng thương mại:						- Hợp đồng thương mại:					
- Giấy phép:						- Giấy phép:					
- Hóa đơn VAT:						- Hóa đơn thương mại:					
28. Người xuất khẩu tại chỗ: Cam kết đã giao đúng, đủ các sản phẩm kê khai trên tờ khai này và chịu trách nhiệm về nội dung khai trên tờ khai này. Ngàythángnăm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)						29. Người nhập khẩu tại chỗ: Cam kết đã nhận đúng, đủ các sản phẩm và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai tính thuế trên tờ khai này. Ngàythángnăm..... (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)					

B. PHẦN HẢI QUAN KIỂM TRA TÍNH THUẾ								
Số TT	33. Mã số hàng hóa			34. Lượng		35. Đơn giá tính thuế		
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	36. Tiền thuế nhập khẩu			37. Tiền thuế GTGT (hoặc TTĐB)			38. Thu khác	
Số TT	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Trị giá tính thuế (VND)	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
42. Công chức kiểm tra thuế (ký, ghi rõ ngày, tháng, năm, đóng dấu số hiệu công chức)								

PHỤ LỤC TỜ KHAI XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ*(Bản lưu người khai hải quan)*

Phụ lục số:

Kèm tờ khai số...../NK/.....TC/.....Ngày..... PLTKHQ/2010-TC

A. PHẦN KÊ KHAI VÀ TÍNH THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT KHẨU, NGƯỜI NHẬP KHẨU								
Số TT	16. Tên hàng. Quy cách phẩm chất		17. Mã số hàng hóa	18. Đơn vị tính	19. Lượng	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ	
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
	22. Thuế nhập khẩu			23. Thuế GTGT (hoặc thuế TTĐB)			24. Thu khác	
Số TT	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VND)	Tiền thuế	Thuế suất (%)	Trị giá tính thuế (VND)	Tiền thuế	Tỷ lệ (%)	Số tiền
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
Cộng								
28. Người xuất khẩu tại chỗ cam kết đã giao đúng, đủ sản phẩm kê khai trên phụ lục tờ khai này. (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)				29. Người nhập khẩu tại chỗ cam kết đã nhận đúng, đủ sản phẩm và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai, tính thuế trên phụ lục tờ khai này. (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)				

Phụ lục V**BẢN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU TỜ KHAI HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU TẠI CHỖ HQ/2010-TC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 194/2010/TT-BTC

Ngày 06/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. Quy định chung:

1. Văn bản này chỉ hướng dẫn sử dụng một số ô, mục của Tờ khai hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ. Các ô, mục khác đã thể hiện cụ thể, rõ ràng trên tờ khai nên không hướng dẫn thêm.

2. Người khai chỉ được sử dụng một loại mực (không dùng mực đỏ) để khai, không được tẩy xóa, sửa chữa.

3. Người khai hải quan khai trên tờ khai xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ (HQ/2010-TC) theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

B. Hướng dẫn sử dụng cụ thể:

1. Người xuất khẩu tại chỗ khai các ô, mục sau: số 1, số 3, số 5, số 6, số 7, số 14 (phần hàng XK), số 15 (phần hàng XK), số 16, số 17, số 18, số 19, số 26 và số 28.

2. Người nhập khẩu tại chỗ khai các ô, mục còn lại của phần A (Phần kê khai và tính thuế của người xuất khẩu, người nhập khẩu).

3. Ô số 3: Ghi khách hàng nước ngoài ký hợp đồng mua bán ngoại thương với doanh nghiệp Việt Nam.

4. Ô số 10: Nếu sản phẩm xuất khẩu tại chỗ dùng làm nguyên liệu để gia công cho thương nhân nước ngoài thì tại ô này ghi số, ngày ký hợp đồng gia công, ngày hết hạn của hợp đồng gia công.

5. Ô số 11: Ghi nơi giao nhận hàng giữa 2 doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ, nhập khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

6. Ô số 30: cách ghi kết quả kiểm tra thực tế thực hiện như đối với hàng hóa nhập khẩu thương mại.

Phụ lục VI**DANH MỤC MẪU BIỂU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 194/2010/TT-BTC
ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)*

- Mẫu 01 - Khai thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được xử lý không thu thuế (thuộc đối tượng không chịu thuế), miễn thuế, xét miễn thuế.
- Mẫu 02 - Khai bổ sung về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Mẫu 03 - Đơn đề nghị áp dụng bảo lãnh tiền thuế, tiền phạt cho hàng hóa nhập khẩu theo hình thức bảo lãnh chung.
- Mẫu 04 - Công văn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thuế
- Mẫu 05 - Quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Mẫu 06 - Bảng đăng ký danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để trực tiếp sản xuất xuất khẩu (06/DMNVL-SXXX).
- Mẫu 7 - Bảng thông báo định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư cho một đơn vị sản phẩm (07/ĐKĐM-SXXX)
- Mẫu 8 - Bảng đăng ký danh mục sản phẩm xuất khẩu (08/DMSP-SXXX)
- Mẫu 9 - Đăng ký chi cục hải quan làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm SXXX (09/HQXKSP-SXXX)
- Mẫu 10 - Báo cáo nhập - xuất - tồn nguyên liệu nhập khẩu (10/HSTK-CX)
- Mẫu 11 - Danh mục hàng hóa nhập khẩu thuộc dự án ưu đãi đầu tư được miễn thuế nhập khẩu
- Mẫu 12 - Công văn đăng ký danh mục miễn thuế nhập khẩu tạo tài sản cố định
- Mẫu 13 - Công văn đăng ký danh mục miễn thuế nhập khẩu cho tài sản khác
- Mẫu 14 - Phiếu theo dõi, trừ lùi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc dự án ưu đãi đầu tư miễn thuế nhập khẩu
- Mẫu 15 - Bảng kê tờ khai xuất khẩu sản phẩm đưa vào thanh khoản (15/HSTK-SXXX)
- Mẫu 16 - Báo cáo nhập - xuất - tồn nguyên liệu, vật tư (16/HSTK-SXXX)
- Mẫu 17 - Báo cáo tính thuế trên nguyên liệu, vật tư nhập khẩu (17/HSTK-SXXX)

Mẫu 01. Khai thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được xử lý không thu thuế (thuộc đối tượng không chịu thuế), miễn thuế, xét miễn thuế

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm...

**KHAI THAY ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG HÀNG HÓA XUẤT KHẨU,
NHẬP KHẨU ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ KHÔNG THU THUẾ (THUỘC ĐỐI
TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ), MIỄN THUẾ, XÉT MIỄN THUẾ**

A. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Khai cho hàng hóa thuộc Tờ khai hải quan số..., ngày...:

Thuộc Phụ lục số... kèm theo Tờ khai hải quan

**Số thứ tự mặt hàng khai thay đổi mục đích sử dụng trên tờ khai hải quan/
Phụ lục Tờ khai:**

Thuộc hợp đồng mua bán số:

4. Nội dung đã khai:

4.1. Tên hàng, quy cách, phẩm chất, đặc điểm:

4.2. Mã số hàng hóa:

4.3. Xuất xứ:

4.4. Lượng hàng:

4.5. Đơn vị tính:

4.6. Đơn giá nguyên tệ:

4.7. Trị giá nguyên tệ:

4.8. Trị giá tính thuế:

4.9. Tỷ giá tính thuế:

4.10. Thuế suất (%):

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

4.11. Tiền thuế:

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

4.12. Thu khác:

4.13. Tổng số tiền thuế và thu khác:

4.14. Mục đích sử dụng đã khai:

4.15. Đã được miễn thuế theo Quyết định miễn thuế của Chi Cục/Cục/Tổng cục Hải quan/Bộ Tài chính...:

....

5. Nội dung khai thay đổi:

5.1. Tên hàng, quy cách, phẩm chất, tính chất, mục đích sử dụng:

5.2. Mã số hàng hóa:

5.3. Xuất xứ:

5.4. Lượng hàng:

5.5. Đơn vị tính:

5.6. Đơn giá nguyên tệ:

5.7. Trị giá nguyên tệ:

5.8. Trị giá tính thuế:

5.9. Tỷ giá tính thuế:

5.10. Thuế suất (%):

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

5.11. Số tiền thuế phải nộp:

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

5.12. Số tiền thuế chênh lệch: $[12.5 = (11.5) - (11.4)]$

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

5.13. Số tiền thu khác phải nộp:

5.14. Số tiền thu khác chênh lệch: $[14.5 = (13.5) - (12.4)]$

5.15. Tổng số tiền thuế và thu khác phải nộp:

5.16. Tổng số tiền thuế và thu khác chênh lệch: $[16.5 = (15.5) - (13.4)]$

...

6. Cơ sở, lý do khai thay đổi:

.....ngày.....tháng...năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. PHẦN DÀNH CHO KIỂM TRA VÀ XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ khai thay đổi:

Cán bộ tiếp nhận:

2. Kết quả kiểm tra nội dung khai thay đổi:

..., ngày...tháng...năm...

Số:...

(Ghi rõ nội dung khai thay đổi đúng hay không đúng và cơ sở pháp lý/lý do. Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú ý:

- Mục “Nội dung đã khai” và “Nội dung khai thay đổi” chỉ ghi những nội dung liên quan đến khai thay đổi.

- Số tiền thuế chênh lệch: ghi dấu cộng (+) trước dãy số chênh lệch.

- Mẫu này sử dụng cho 01 tờ khai

- Trường hợp có nhiều mặt hàng cần khai thay đổi trong cùng một tờ khai thì lập phụ lục tương tự cho từng mặt hàng.

Mẫu số 02. Khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**KHAI BỔ SUNG VỀ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU****A. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI BỔ SUNG, SỬA CHỮA TỜ KHAI****1. Tên người khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai:****2. Mã số thuế:****3. Khai bổ sung, sửa chữa cho Tờ khai hải quan số..., ngày...:****Thuộc Phụ lục số... kèm theo Tờ khai hải quan****Số thứ tự mặt hàng khai bổ sung trên tờ khai hải quan/Phụ lục Tờ khai:****Thuộc hợp đồng mua bán số:****4. Nội dung đã khai:**

4.1. Tên hàng, quy cách, phẩm chất:

4.2. Mã số hàng hóa:

4.3. Xuất xứ:

4.4. Lượng hàng:

4.5. Đơn vị tính:

4.6. Đơn giá nguyên tệ:

4.7. Trị giá nguyên tệ:

4.8. Trị giá tính thuế:

4.9. Tỷ giá tính thuế:

4.10. Thuế suất (%):

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

4.11. Tiền thuế:

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

4.12. Thu khác:

4.13. Tổng số tiền thuế và thu khác:

- ...

5. Nội dung khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai:

5.1. Tên hàng, quy cách, phẩm chất:

5.2. Mã số hàng hóa:

5.3. Xuất xứ:

5.4. Lượng hàng:

5.5. Đơn vị tính:

5.6. Đơn giá nguyên tệ:

5.7. Trị giá nguyên tệ:

5.8. Trị giá tính thuế:

5.9. Tỷ giá tính thuế:

5.10. Thuế suất (%):

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

5.11. Số tiền thuế phải nộp:

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

5.12. Số tiền thuế chênh lệch: $[12.5 = (11.5) - (11.4)]$

- Thuế xuất khẩu:

- Thuế nhập khẩu:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng:

5.13. Số tiền thu khác phải nộp:

5.14. Số tiền thu khác chênh lệch: $[14.5 = (13.5) - (12.4)]$

5.15. Tổng số tiền thuế và thu khác phải nộp:

5.16. Tổng số tiền thuế và thu khác chênh lệch: [16.5 = (15.5)- (13.4)]

- ...

6. Lý do khai bổ sung, sửa chữa Tờ khai:

..., ngày...tháng...năm...

Người khai bổ sung

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**B. PHẦN DÀNH CHO KIỂM TRA VÀ XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
 HẢI QUAN**

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung:

Cán bộ tiếp nhận:

2. Kết quả kiểm tra nội dung khai bổ sung:

..., ngày...tháng...năm...

Số:...

(Ghi rõ nội dung khai bổ sung đúng hay không đúng và cơ sở pháp lý/lý do. Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Trường hợp khai không đúng thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan thì ghi chú về việc này và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

 Chú ý:

- Mục Nội dung đã khai và Nội dung khai bổ sung chỉ ghi những nội dung liên quan đến khai bổ sung.

- Nếu số tiền thuế chênh lệch tăng thì ghi dấu cộng (+) trước dãy số chênh lệch, nếu số tiền thuế chênh lệch giảm thì ghi dấu trừ (-) trước dãy số chênh lệch.

- Mẫu này sử dụng cho 01 tờ khai

- Trường hợp có nhiều mặt hàng cần khai bổ sung trong cùng một tờ khai thì lập phụ lục tương tự cho từng mặt hàng.

- Mẫu này cũng được sử dụng cho trường hợp khai không đúng thời hạn 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 194/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Mẫu 03. Đơn đề nghị áp dụng bảo lãnh tiền thuế, tiền phạt cho hàng hóa nhập khẩu theo hình thức bảo lãnh chung

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng..... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BẢO LÃNH TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT
 CHO HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HÌNH THỨC BẢO LÃNH CHUNG**

Kính gửi: Chi cục Hải quan....

Tên người nộp thuế.....

Địa chỉ

Mã số thuế

Số điện thoại:..... Số Fax.....

Đề nghị Chi cục Hải quan..... cho phép áp dụng hình thức bảo lãnh chung với những thông tin như sau:

Tên tổ chức bảo lãnh:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Số Fax.....

Bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuế, tiền phạt, các khoản thu khác cho các lô hàng nhập khẩu của... (tên người nộp thuế) đăng ký làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan...từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm.... với số tiền bảo lãnh là:..... đồng (*Bằng chữ:...*) theo văn bản cam kết bảo lãnh số.... ngày... của ... (tên tổ chức bảo lãnh).

.... (Tên người nộp thuế) xin cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên.

Giám đốc Công ty.....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

..., ngày... tháng... năm...

(Ghi rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý và cơ sở pháp lý/lý do.

Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 04. Công văn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thuế

CỤC HẢI QUAN TỈNH, TP...
CHI CỤC HẢI QUAN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /HQ...-TB

Hà Nội, ngày... tháng..... năm...

YÊU CẦU THỰC HIỆN NGHĨA VỤ BẢO LÃNH THUẾ

Kính gửi:

- Tổ chức bảo lãnh (ghi rõ tên bên bảo lãnh; bên xác nhận bảo lãnh (nếu có))
- Người được bảo lãnh (ghi rõ tên)

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

- Căn cứ Thư bảo lãnh, Văn bản xác nhận bảo lãnh (nếu có) số...phát hành ngày...của Tổ chức bảo lãnh (ghi rõ tên bên bảo lãnh; bên xác nhận bảo lãnh (nếu có))....cho doanh nghiệp....

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan....thông báo đến Tổ chức bảo lãnh (ghi rõ tên)....về việc bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước của doanh nghiệp (ghi rõ tên).....:

1. Thông tin tổ chức bảo lãnh:

- Tên của tổ chức tín dụng:.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ của tổ chức tín dụng:.....

2. Thông tin người được bảo lãnh:

- Tên của người được bảo lãnh:.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ của người được bảo lãnh:.....

3. Thông tin bảo lãnh:

- Số tờ khai nhập khẩu được bảo lãnh..... ngày... tháng... năm....

- Số hợp đồng..... ngày... tháng... năm.....

- Số vận đơn:

- Số chứng từ bảo lãnh:

- Giá trị bảo lãnh:.....

- Thời hạn nộp thuế được bảo lãnh:.....

Ngày...tháng...năm... là ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, yêu cầu Tổ chức bảo lãnh (ghi rõ tên bên bảo lãnh; bên xác nhận bảo lãnh) phải thực hiện nộp thuế, nộp phạt thay cho người được bảo lãnh, chi tiết như sau:

1. Số tiền thuế nhập khẩu: đồng

2. Số tiền thuế GTGT: đồng

3. Số tiền thuế TTĐB: đồng

4. Số tiền thu khác: đồng

5. Tiền phạt chậm nộp 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp thay cho người được bảo lãnh.

Yêu cầu Tổ chức bảo lãnh (ghi rõ tên bên bảo lãnh; bên xác nhận bảo lãnh) phải nộp đủ các khoản tiền nêu trên vào Tài khoản thu Ngân sách Nhà nước số..... của Chi cục Hải quan... tại Kho bạc Nhà nước (trên giấy nộp tiền phải ghi rõ: chương, khoản, tiểu mục theo quy định MLNSNN hiện hành, số tờ khai hải quan) hoặc trực tiếp nộp tiền mặt cho cơ quan hải quan nơi ra thông báo yêu cầu.

Nếu ... (ghi rõ tên bên bảo lãnh; bên xác nhận bảo lãnh) không thực hiện thì sẽ bị xử lý vi phạm và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, hồ sơ hải quan

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 05. Quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-

....., ngày..... tháng..... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế; Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng.....; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.....;

Trên cơ sở xem xét

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ấn định thuế đối với.....(1) xuất khẩu, nhập khẩu thuộc.....(2) của.....(3), Mã số thuế:....., địa chỉ:

Điều 2. Lý do ấn định thuế: (4)

Điều 3. Tổng số tiền thuế phải nộp (5):

1. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu:.....
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt:
3. Thuế giá trị gia tăng:.....

Cộng.....

(Bằng chữ:))

Tổng số tiền thuế đã nộp (6):

1. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu:.....
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt:
3. Thuế giá trị gia tăng:.....

Cộng:

(Bằng chữ:))

Tổng số tiền thuế còn phải nộp (7):

1. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu:.....
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt:
3. Thuế giá trị gia tăng:.....

Cộng:

(Bằng chữ:))

Điều 4.

Trong thời hạn ngày, kể từ ngày/...../20....,(3) có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 4 Quyết định này vào tài khoản..... tại Kho bạc Nhà nước ... hoặc nộp trực tiếp cho cơ quan hải quan. Nếu

quá thời hạn mà chưa nộp thuế thì ngoài việc phải nộp đủ tiền thuế còn bị phạt chậm nộp 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. (8)

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký Quyết định này,
(3) có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế chênh lệch nêu tại Điều 4
 Quyết định này vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước
 hoặc nộp trực tiếp cho cơ quan hải quan. Đối với số
 tiền thuế đã khai, người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ trong thời hạn theo quy định
 hiện hành. Nếu quá thời hạn mà chưa nộp thuế thì ngoài việc phải nộp đủ tiền thuế
 còn bị phạt chậm nộp 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.(9)

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
- Cục HQ.....;
-
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...b).

Thủ trưởng cơ quan HQ có thẩm quyền

Ghi chú:

(1) Nêu rõ tên mặt hàng xuất nhập khẩu hoặc tên các lô hàng xuất nhập khẩu

(2). Ghi rõ thuộc tờ khai số... ngày... tháng... năm..., Hải quan nơi đăng ký tờ khai (đối với trường hợp ấn định cho 01 tờ khai)

- Ghi rõ thuộc các tờ khai phát sinh từ ngày.... đến ngày... chi tiết tại bảng kê đính kèm (đối với trường hợp ấn định cho nhiều tờ khai)

(3) Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân nộp thuế (người nộp thuế)

(4) Ghi rõ nguyên nhân ấn định thuế (ví dụ doanh nghiệp khai sai mã số mặt hàng..... cơ quan HQ áp lại mã số mặt hàng... thuế suất....), ấn định yếu tố tính thuế hay ấn định số thuế phải nộp

(5) Tổng số tiền thuế mà đúng ra người nộp thuế phải nộp.

(6) Tổng số tiền thuế người nộp thuế đã khai báo hoặc đã nộp.

(7) = (5) - (6), Tổng số tiền thuế người nộp thuế còn nộp thiếu hoặc nộp thừa, cụ thể:

Nếu người nộp thuế đã nộp thiếu thuế và còn phải nộp bổ sung thuế ghi (+)

Nếu người nộp thuế đã nộp thừa thuế và được hoàn ghi (-).

(8) Áp dụng trong trường hợp ấn định thuế khi hàng hóa chưa được thông quan

(9) Áp dụng trong trường hợp ấn định thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan

Trong trường hợp ấn định cho nhiều tờ khai, Số tiền thuế phản ánh trên quyết định ấn định chỉ là tổng số thuế còn chi tiết theo từng tờ khai được thể hiện trên Bảng kê đính kèm. Bảng kê là bộ phận của Quyết định và được đóng dấu treo đính kèm quyết định.

BẢNG KÊ CHI TIẾT

Kèm theo Quyết định số...../QĐ..... ngày...../...../20.....

STT	TKHQ		Chi cục HQ mở TK	Tên hàng hóa	Số thuế phải nộp			Số thuế đã nộp			Số thuế còn phải nộp/Số thuế được giảm (VND)																					
	Số	Ngày			NK	TTDB	GTGT	NK	TTDB	GTGT	NK	TTDB	GTGT	Tổng cộng																		
Tổng cộng																																

Ghi chú: Khi áp dụng mẫu bảng kê này cơ quan hải quan có thể bổ sung một số tiêu chí khác để tiện tính toán và để
hiểu trong các trường hợp cụ thể./

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

(Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06. Bảng thông báo danh mục nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu

Mẫu 06/DMNVL-SXXX

**BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU
ĐỂ TRỰC TIẾP SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU**

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Mặt hàng dự kiến sản xuất để xuất khẩu:

STT	Tên nguyên liệu, vật tư (NL, VT)	Mã NL, VT	Mã HS	Đơn vị tính	Nguyên liệu chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chức hải quan tiếp nhận

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (3): Chỉ áp dụng khi đăng ký bảng này tại đơn vị Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để thanh khoản hàng SXXX.

Cột (6): Căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 2 Điều 32 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010, doanh nghiệp tự xác định nguyên liệu chính và đánh dấu “x” vào dòng tương ứng.

Mẫu 07. Bảng thông báo định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư cho một đơn vị sản phẩm

Mẫu 07/ĐKĐM-SXXK

BẢNG THÔNG BÁO ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Hợp đồng xuất khẩu số:

Mã sản phẩm:

Tên sản phẩm:

Đơn vị tính sp:

STT	Tên nguyên liệu, vật tư (NL, VT)	Mã NL, VT	Đơn vị tính	Định mức	Tỷ lệ hao hụt (%)	Định mức kể cả hao hụt	Nguồn cung cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ngày... tháng... năm...

....., ngày..... tháng..... năm.....

Công chức tiếp nhận định mức**Giám đốc doanh nghiệp**

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu công chức)

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1)- Cột 3 “mã NL, VT” chỉ áp dụng đối với những trường hợp định mức đăng ký tại đơn vị Hải quan áp dụng công nghệ thông tin để thanh khoản hàng SXXK.

(2)- Cột 8 “nguồn cung cấp” ghi như sau:

- Nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu được nhập khẩu theo loại hình SXXK thì tại cột này ghi: “nhập SXXK” tương ứng với hàng ghi tên nguyên vật liệu này.

- Nếu có sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu theo loại hình kinh doanh để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tại cột này ghi: “NKD” tương ứng với hàng ghi tên nguyên vật liệu đó.

- Nếu có sử dụng nguyên vật liệu mua tại Việt Nam để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, tại cột này ghi: “Mua tại VN” tương ứng với hàng ghi tên nguyên vật liệu đó.

Mẫu 09. Đăng ký Chi cục hải quan làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm SXK

Mẫu 09/HQXKSP-SXXK

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐĂNG KÝ CHI CỤC HẢI QUAN LÀM
 THỦ TỤC XUẤT KHẨU SẢN PHẨM SXK**

Kính gửi: Chi cục Hải quan..... thuộc Cục
 Hải quan

Tên doanh nghiệp.....; địa chỉ.....; mã
 số doanh nghiệp
 đã làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu tại Chi cục
 theo hợp đồng nhập khẩu số.....; tờ khai nhập
 khẩu số

Căn cứ quy định tại... Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ
 Tài chính, để thuận lợi trong việc làm thủ tục hải quan đề nghị được làm thủ tục xuất
 khẩu sản phẩm SXK tại Chi cục Hải quan..... thuộc Cục
 Hải quan

- Mặt hàng xuất khẩu.....

- Mã hàng.....; số lượng.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)

Ý kiến của Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu:

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính, Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan..... xin chuyển Chi cục Hải quan..... thuộc Cục Hải quan..... để làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm theo đăng ký trên đây của doanh nghiệp.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo Chi cục

(Ký, đóng dấu)

.....
Ghi chú: Nếu sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu của một hợp đồng nhập khẩu, doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu nhiều lần tại một Chi cục Hải quan thì doanh nghiệp chỉ cần đăng ký một lần cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu nguyên vật liệu toàn bộ số sản phẩm xuất khẩu đó.

Mẫu 10. Báo cáo nhập - xuất - tồn nguyên liệu nhập khẩu

Mẫu 10/HSTK-CX

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU

Tên doanh nghiệp:

; Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Hồ sơ thanh khoản quý: , năm.....

STT	Tên/ Mã nguyên liệu, vật tư	Nguyên liệu, vật tư (NL, VT) nhập khẩu			Nguyên liệu, vật tư đã sử dụng sản xuất sản phẩm xuất khẩu			NL, VT xuất trả lại		Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Đơn vị tính	Lượng NL, VT tồn của quý trước chuyển sang	Lượng NL, VT tồn cuối quý			
		Tờ khai nhập khẩu			Tờ khai xuất khẩu			Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SPXK	Lượng NL, VT xuất trả lại							
		Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục hải quan	Lượng nguyên liệu vật tư nhập khẩu	Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục hải quan	Lượng sản phẩm xuất khẩu							Định mức NL, VT (kể cả hao hụt đơn vị sản phẩm)	Tờ khai xuất khẩu (số, ký hiệu; ngày đăng ký)	
(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Ngày..... tháng..... năm.....
Công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu
 (Ký tên, đóng dấu công chức)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc Doanh nghiệp
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) - Cột (15) và (16) chỉ áp dụng đối với những trường hợp xuất khẩu nguyên liệu, vật tư trong quý thanh khoản.
- (2) - Lượng NV, VT tồn cuối quý tại cột (17) = lượng NL, VT nhập khẩu trong quý tại cột (5) + lượng NL, VT tồn của quý trước tại cột (6) - Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP xuất khẩu cột (14) - Lượng NL, VT xuất trả cột (16).

Mẫu 11. Danh mục hàng hóa nhập khẩu thuộc dự án ưu đãi đầu tư được miễn thuế NK

**DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC
DỰ ÁN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐƯỢC MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU**

Số.....; ngày đăng ký.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....; Mã số tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:
3. Tên dự án đầu tư
4. Địa điểm xây dựng dự án
5. Giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư số.....; ngày cấp
6. Đăng ký tại cơ quan hải quan:

Số TT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá	Trị giá dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

Ngày ... tháng ... năm.....

**Người đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp/Thủ trưởng của tổ chức
(hoặc người được ủy quyền)/Cá nhân
(Ký; ghi rõ họ, tên; đóng dấu)**

Ngày ... tháng ... năm.....

**Cơ quan hải quan
làm thủ tục đăng ký
(Ký tên; đóng dấu)**

.....
Ghi chú:

- Số, ngày đăng ký danh mục do đơn vị Hải quan làm thủ tục đăng ký danh mục ghi, phù hợp với số thứ tự, ngày đăng ký ghi trong sổ theo dõi đăng ký danh mục.

- Trị giá ghi tại cột (5): nếu tại thời điểm đăng ký, doanh nghiệp chưa biết được chính xác trị giá hàng nhập khẩu thì ghi trị giá vào cột (6).

Mẫu 12. Công văn đăng ký danh mục miễn thuế nhập khẩu tạo TSCĐ

Tên tổ chức/cá nhân.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../.....

*V/v Đăng ký danh mục hàng
hóa nhập khẩu miễn thuế
nhập khẩu tạo tài sản cố định.*

....., ngày..... tháng..... năm 200...

Kính gửi: Cơ quan hải quan..... (2)

Tên tổ chức/cá nhân: (1).....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....; số Fax:

Lĩnh vực hoạt động:.....

Thuộc đối tượng miễn thuế tại điểm... khoản... Điều... Nghị định số 87/2010/
NĐ-CP ngày 13/8/2010 và điểm... Mục... phân..... Thông tư số..... ngày.....
tháng... năm 20... của Bộ Tài chính: (Ghi cụ thể đối tượng được miễn thuế).....Nay, (1)..... đăng ký danh mục nhập khẩu hàng
hóa được miễn thuế nhập khẩu tạo tài sản cố định của:

Dự án đầu tư

- Hạng mục công trình.....

- Hạng mục công trình.....

-

*(Nếu nhập khẩu hàng hóa cho toàn bộ dự án thì không cần ghi chi tiết hạng mục
công trình)*Theo giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư số....., ngày.....,
hoặc..... được cấp bởi cơ quan

Thời gian dự kiến nhập khẩu từ..... đến.....

Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm:

- 02 danh mục hàng hóa đăng ký nhập khẩu; 01 phiếu theo dõi, trừ lùi (Mẫu số
13, 16).

- Giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư
(*Nộp bản sao, xuất trình bản chính đối chiếu khi được yêu cầu*);

- Bảng kê vốn thực hiện dự án đầu tư;

- Các giấy tờ khác:

+

+

(1)..... cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án, không sử dụng khác với mục đích đã được miễn thuế... (1).... sẽ thực hiện đúng quy định hiện hành về xuất nhập khẩu hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

(1)..... kính đề nghị (2)..... xác nhận danh mục hàng hóa miễn thuế nhập khẩu cho (1)..... theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận

- Như trên

- Lưu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/

Thủ trưởng của tổ chức

(hoặc người được ủy quyền)/**Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): ghi tên tổ chức/cá nhân đăng ký danh mục;

(2): ghi tên cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục.

Mẫu 13. Công văn đăng ký danh mục miễn thuế nhập khẩu

Tên tổ chức/cá nhân **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../.....

....., ngày... tháng.... năm 200...

V/v Đăng ký danh mục
hàng hóa nhập khẩu
miễn thuế nhập khẩu.

Kính gửi: Cơ quan hải quan

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Mã số thuế: (2)

Địa chỉ: (3)

Số điện thoại:.....; số Fax: (4)

Mục tiêu hoạt động (đối với doanh nghiệp ghi theo giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư; đối với tổ chức, cá nhân khác ghi theo lý do được miễn thuế nhập khẩu theo hướng dẫn tại điểm... Thông tư... của Bộ Tài chính):..... (5)

Lĩnh vực được ưu đãi đầu tư theo quy định tại... Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 và tại..... Thông tư số..... ngày.....: (Ghi cụ thể đối tượng được ưu đãi đầu tư.)..... (6)

Nay, tổ chức/cá nhân đăng ký danh mục nhập khẩu hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu thuộc:

Dự án đầu tư (7)

- Hạng mục công trình.....

- Hạng mục công trình.....

-

(Nếu nhập khẩu hàng hóa cho toàn bộ dự án thì không cần ghi chi tiết hạng mục công trình)

Theo giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép của cơ quan có thẩm quyền số....., ngày....., được cấp bởi cơ quan.....(8)

Thời gian dự kiến nhập khẩu từ..... đến..... (9)

Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm: (10)

- 02 danh mục hàng hóa đăng ký nhập khẩu; 01 phiếu theo dõi, trừ lùi (*Mẫu số 13, 16*).

- Giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (*Nộp bản sao, xuất trình bản chính đối chiếu khi được yêu cầu*);

- Bảng kê vốn thực hiện dự án đầu tư;

- Các giấy tờ khác:

+

+

Tổ chức/cá nhân cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích đã được miễn thuế, không để thay thế, dự trữ. Tổ chức/cá nhân sẽ thực hiện đúng quy định hiện hành về xuất nhập khẩu hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này. (11)

Tổ chức/cá nhân kính đề nghị Cơ quan hải quan... kiểm tra, cấp đăng ký danh mục hàng hóa miễn thuế nhập khẩu cho Tổ chức/cá nhân theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận

- Như trên;

- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/

Thủ trưởng của tổ chức

(hoặc người được ủy quyền)/**Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nếu đối tượng được miễn thuế không liên quan đến điều kiện về ưu đãi đầu tư thì không phải kê khai mục 6,7.

Mẫu 14. Phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa nhập khẩu thuộc dự án đầu tư miễn thuế NK

Số tờ.....

Tờ số.....

**PHIẾU THEO DÕI, TRỪ LÙI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
THUỘC DỰ ÁN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU**

1. Kèm theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định dự án đầu tư được miễn thuế nhập khẩu số.....; ngày..... tháng..... năm

2. Tên tổ chức/cá nhân:.....; Mã số tổ chức/cá nhân:

3. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:

4. Tên dự án đầu tư

Số TT	Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan		Hàng hóa còn lại chưa nhập khẩu		Công chức hải quan thống kê, trừ lùi ký tên, đóng dấu công chức
				Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Cơ quan hải quan cấp Phiếu theo dõi, trừ lùi
(Ký tên; đóng dấu)

Ghi chú:

- Số tờ, tờ số và các tiêu chí tại các mục 1,2,3,4 do Hải quan nơi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi ghi. Khi cấp phiếu theo dõi, trừ lùi, nếu 01 phiếu gồm nhiều tờ thì đơn vị Hải quan phải đóng dấu treo lên tất cả các tờ.

- Số liệu tại các cột từ 1 đến 9 của Phiếu do Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa ghi.

- Khi doanh nghiệp đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã đăng ký thì Chi cục Hải quan cuối cùng xác nhận lên bản chính “đã nhập hết hàng hóa miễn thuế” và sao 01 bản (đóng dấu sao y bản chính) gửi Cục Hải quan nơi đăng ký Danh mục hàng hóa miễn thuế.

Mẫu 16. Bảng báo cáo nhập - xuất - tồn nguyên liệu, vật tư

Mẫu: 16/HSTK-SXXX

BẢNG BÁO CÁO NGUYÊN LIỆU VẬT TƯ NHẬP - XUẤT - TỒN

Tên Doanh nghiệp: ; **Địa chỉ:**

Mã số doanh nghiệp:

Số hồ sơ thanh khoản:

STT	Tên/Mã nguyên liệu, vật tư	Nguyên liệu, vật tư (NL, VT) nhập khẩu				Nguyên liệu, vật tư đã sử dụng sản xuất sản phẩm xuất khẩu				NL, VT xuất trả lại			Xử lý NL, VT tồn cuối kỳ						
		Tờ khai nhập khẩu				Tờ khai xuất khẩu				Lượng NL, VT tồn cuối kỳ	Thanh khoản tiếp	Chuyển mục đích khác							
		Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục	Lượng NL, VT nhập khẩu	Đơn vị tính	Số; ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày hoàn thành thủ tục hải quan	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính				Định mức NL, VT (kể cả hao hụt)/đơn vị sản xuất XK	Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP	Tờ khai xuất khẩu (số; ký hiệu; ngày đăng ký)	Lượng NL, VT xuất trả lại			
										Tên/Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên/Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên/Mã sản phẩm xuất khẩu							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	

Ngày... tháng... năm...

Công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Ngày... tháng... năm...

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1)- Cột (6) chỉ áp dụng đối với những tờ khai nhập khẩu NL, VT thanh khoản làm nhiều lần; lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa thanh khoản của lần thanh khoản sau là lượng NL, VT tồn cuối kỳ của lần thanh khoản trước
- (2)- Cột (15) và (16) chỉ áp dụng đối với những trường hợp xuất trả nguyên vật liệu đủ điều kiện được hoàn thuế nhập khẩu.
- (3)- Lượng NL, VT tồn cuối kỳ tại cột (17)= Lượng NL, VT nhập khẩu tại cột (5) hoặc lượng NL, VT tồn đầu kỳ chưa thanh khoản tại cột (6) - Lượng NL, VT sử dụng sản xuất SP xuất khẩu tại cột (14)-Lượng NL, vật tư xuất trả tại cột 16.

Mẫu 17. Báo cáo tính thuế trên nguyên liệu, vật tư nhập khẩu

Mẫu: 17/HSTK-SXXX

BÁO CÁO TÍNH THUẾ TRÊN NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU

Tên Doanh nghiệp

Mã số doanh nghiệp:

Số hồ sơ thanh khoản:

; Hợp đồng nhập khẩu:

; Hợp đồng xuất khẩu:

STT	Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư (NL, VT)										Tờ khai xuất khẩu		Số tiền thuế xin hoàn/ không thu	Số thuế phải thu hoặc chuyển thành khoản tiếp	Ghi chú	
	Số; ký hiệu, ngày đăng ký	Ngày thực nhập	Tên, mã NL, VT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tính thuế	Tỷ giá	Thuế suất thuế NK	Số thuế NK phải thu	Số, ký hiệu; ngày đăng ký	Ngày thực xuất	Lượng NL, VT sử dụng cho SP XK và xuất trả lại				Lượng NL, VT tồn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Ngày.... tháng.... năm....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Công chức hải quan kiểm tra, đối chiếu

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Số liệu ghi tại cột (13) của Bảng này là lấy số liệu từ cột (14) và cột (16) của bảng 16/HSTK-SXXX; số liệu ghi tại cột (14) của Bảng này lấy số liệu từ cột (17) của bảng 16/HSTK-SXXX.